

## **QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- ngày / / của Viện trưởng Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, có chức năng đào tạo tiến sĩ. Các cơ sở pháp lý liên quan đến chức năng nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ của Viện bao gồm:

- Căn cứ Quyết định số 73/2001/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2001 của Thủ Tướng Chính Phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ y khoa cho Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.
- Căn cứ Quyết định số 5478/QĐ/BGD&ĐT-SDH ngày 03 tháng 10 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh được đào tạo tiến sĩ y học chuyên ngành vi sinh học, mã số 62.72.01.15.
- Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-BYT ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.
- Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trung tâm đào tạo.

- Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 07 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh được đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Dịch tễ học, mã số 62.72.01.17.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định về cơ sở đào tạo, tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo; luận án và bảo vệ luận án; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm mục tiêu đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

### **Điều 3. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.
2. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học và nghiên cứu tập trung liên tục và được cơ sở đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học tập và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

## **Chương II**

### **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

#### **Điều 4. Điều kiện đăng ký mở chuyên ngành đào tạo**

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có đủ điều kiện đăng ký mở các chuyên ngành đào tạo với các điều kiện sau:

- a) Tên chuyên ngành đào tạo có trong danh mục chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu và cơ sở vật chất phải đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

- Có ít nhất một phó giáo sư và 4 tiến sĩ cùng ngành, trong đó ít nhất có ba người cùng chuyên ngành đăng ký;
  - Trong vòng 3 năm tính đến khi lập hồ sơ đăng ký mở ngành, mỗi năm có ít nhất 3 công trình nghiên cứu của các giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của bộ môn hoặc khoa, phòng chuyên môn đào tạo nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là đơn vị chuyên môn) công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài;
  - Có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ và tổ chức hội đồng đánh giá luận án.
- c/ Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, phòng thí nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo; có chỗ làm việc dành riêng cho nghiên cứu sinh.
- d/ Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học; đã thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ/ Ngành, cấp tỉnh/thành phố; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành; thường xuyên có những trao đổi hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo.

### **Chương III**

#### **TUYỂN SINH**

##### **Điều 5. Thời gian và hình thức tuyển sinh**

1. Thời gian tuyển sinh: mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, cơ sở đào tạo của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tổ chức từ một đến hai kỳ tuyển nghiên cứu sinh.
2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

##### **Điều 6. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ**

Mọi công dân Việt Nam, Việt kiều và người nước ngoài không phân biệt dân tộc, giới tính, tuổi tác, nếu không trong thời gian thi hành án, thỏa mãn đầy đủ các điều kiện quy định dưới đây đều có thể được dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh:

1. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có văn bằng sau:
  - a) Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
  - b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành phù hợp.
  - c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển, loại khá trở lên.
2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng
  - a) Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
  - b) Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
  - c) Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
  - d) Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
  - e) Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác);
  - f) Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
  - g) Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).
3. Có đề cương nghiên cứu (nếu có).
4. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:
  - a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
  - b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
  - c) Phương pháp làm việc;
  - d) Khả năng nghiên cứu;
  - đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
  - e) Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;
  - g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
  - h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.
5. Yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, Viện quy định cụ thể về thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển và nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

## 6. Điều kiện công trình đã công bố

### a) Thí sinh có bằng thạc sĩ :

- Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần và đã có ít nhất một bài báo công bố phù hợp với hướng nghiên cứu của chuyên ngành dự tuyển đăng trên các tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và có ít nhất hai bài báo phù hợp với hướng nghiên cứu của chuyên ngành dự tuyển đăng trên các tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

b) Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng chuyên ngành nhưng chưa có bằng thạc sĩ không yêu cầu bài báo phù hợp với hướng nghiên cứu của chuyên ngành dự tuyển đăng trên các tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm) hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

## 9. Đối tượng ưu tiên

### a) Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.

- Người thuộc dân tộc thiểu số.

- Người đang công tác liên tục được hai năm trở lên tại các khu vực vùng cao, miền núi, hải đảo, vùng sâu, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng cao, miền núi do Ủy ban dân tộc và miền núi xét công nhận. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc hải đảo, vùng sâu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

b) Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm năm điểm (thang điểm 50) cho tổng điểm đánh giá hồ sơ của thí sinh. Thí sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

10. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Viện trưởng Viện Pasteur TP. HCM xem xét, quyết định.

### **Điều 7. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

Điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở nước ngoài.

### **Điều 8. Thông báo tuyển sinh**

1. Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Viện ra thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, được gửi đến các cơ quan đơn vị có nhu cầu. Thông báo tuyển sinh cũng được đăng trên trang (<http://training.pasteurhcm.gov.vn/>) của Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, trang (<http://www.moet.gov.vn/>) của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Điều kiện dự tuyển

1. Thí sinh căn cứ vào điều kiện văn bằng quy định ở trên, nhu cầu công tác và khả năng đào tạo của Viện để đăng ký dự tuyển.

2. Trong mỗi kì xét tuyển, thí sinh chỉ được đăng kí dự tuyển vào một chuyên ngành tại một cơ sở đào tạo.

3. Hồ sơ đăng kí dự tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký dự xét tuyển.

b) Bản sao có công chứng các bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ; các minh chứng về trình độ ngoại ngữ. Đối với thí sinh có bằng thạc sĩ nước ngoài phải có giấy chứng nhận tương đương của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (có dán ảnh).
- d) Công văn giới thiệu đi dự tuyển của cơ quan quản lý hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp do thủ trưởng đơn vị cử đi ký quyết định.
- đ) Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập của một cơ sở y tế được cấp phép khám sức khoẻ.
- e) Bản sao có công chứng các Quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động hoặc giấy chứng nhận thâm niên công tác của cơ quan quản lý.
- g) Bản chụp các bài báo có liên quan (gồm: trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo).
- h) Bài luận về dự định nghiên cứu.
- i) Đề cương nghiên cứu (nếu có).
- k) Hai thư giới thiệu của các nhà khoa học.
- l) Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên và các giấy tờ hồ sơ liên quan khác (nếu có).
- m) Một ảnh mới chụp cỡ (3x4) trong vòng 6 tháng để trong phong bì ghi rõ tên và địa chỉ người nhận.

4. Thí sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển theo quy định, đúng thời hạn cho Viện. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày xét tuyển.

5. Viện chỉ đưa vào danh sách dự tuyển những thí sinh có đủ hồ sơ và điều kiện dự tuyển. Chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, Viện phải gửi giấy báo cho thí sinh, công bố danh sách thí sinh dự tuyển.

### **Điều 9. Hội đồng tuyển sinh**

- 1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.
- 2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:
  - a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc phó Viện trưởng Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh được ủy quyền.
  - b) Ủy viên thường trực: Lãnh đạo Trung tâm đào tạo;
  - c) Các ủy viên: Trưởng bộ môn hoặc Trưởng tiểu ban chuyên môn của các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển.

3. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a) Thông báo tuyển sinh;
- b) Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển từ Ban thư ký;
- c) Xây dựng thang điểm xét tuyển;
- d) Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;
- e) Tổng kết công tác tuyển sinh;
- f) Quyết định khen thưởng, kỷ luật;
- g) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch hội đồng.

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh.
- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện.
- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.
- Phê duyệt thang điểm xét tuyển.

#### **Điều 10. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới các thành viên của tiểu ban chuyên môn;
- c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- d) Thông báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển;



e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

### 3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

### **Điều 11. Tiểu ban chuyên môn**

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, lãnh đạo Trung tâm đào tạo đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong khoa thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ngoài viện do Viện/Bộ môn mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét chấm điểm hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, giỏi, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh của Viện.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới trách nhiệm của Tiểu ban;

b) Lập kế hoạch đánh giá bài luận về dự định nghiên cứu, đề cương nghiên cứu (nếu có), phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét đối với toàn bộ hồ sơ của thí sinh;

c) Chủ trì phiên họp của Tiểu ban để chấm điểm hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị cuối cùng của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban trước Hội đồng tuyển sinh;

d) Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm điểm hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu đối với những thí sinh thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **Điều 12. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển:

- a) Văn bằng, ngành học;
- b) Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;
- c) Trình độ ngoại ngữ;
- d) Thành tích nghiên cứu khoa học đã có;
- đ) Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;
- e) Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu;
- g) Chất lượng của đề cương nghiên cứu (nếu có);
- h) Chất lượng của bài báo khoa học (nếu có);
- i) Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

2. Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển, bao gồm:

- a) Ban thư ký thay mặt đọc quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn
- b) Trưởng tiểu ban chuyên môn điều hành cuộc họp
- c) Thư ký thông báo các thông tin tổng quát về thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh (nơi đào tạo bậc đại học, thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ, nơi công tác,...).
- d) Trước bảo vệ 5-7 phút các thành viên của tiểu ban chuyên môn dựa trên hồ sơ thí sinh chấm điểm hồ sơ của thí sinh tham dự (dựa trên bảng chấm điểm đã được chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông qua) và thống nhất cách đánh giá (nếu cần).
- e) Thư ký thông báo phương pháp làm việc của Tiểu ban với thí sinh.
- f) Thí sinh trình bày bài luận về dự định nghiên cứu và kế hoạch nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong tổng thời gian không quá 30 phút. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn.
- g) Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.
- h) Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, chấm điểm cho từng thí sinh và biên bản đánh giá phân loại thí sinh.

4. Hình thức đánh giá: Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng đánh giá thí sinh. Tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá cho điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại tất cả hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả đánh giá xét tuyển của Tiểu ban chuyên môn cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh.

6. Viện cần hoàn thành việc xét tuyển, chăm phúc khảo (nếu có), báo cáo tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc ra quyết định trúng tuyển chỉ thực hiện sau khi có kết quả phúc khảo. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận đơn phúc khảo về kết quả xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày công bố điểm và phải có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn. Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của Viện.

### **Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển**

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, cơ sở đào tạo sẽ gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Trung tâm đào tạo làm tờ trình lên phòng Tổ chức cán bộ làm quyết định trúng tuyển cho thí sinh, Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

## **Chương IV**

### **CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 14. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những

kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

### **Điều 15. Các học phần bổ sung**

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng **từ 27 đến 36 tín chỉ**, chưa kể các môn triết học và ngoại ngữ.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp quá 10 năm thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Viện có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Viện trưởng ra quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Kinh phí cho các học phần bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả theo quy định.

### **Điều 16. Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết**

1. Dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn, nghiên cứu sinh hoàn thành tiểu luận tổng quan

và xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết.

2. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết với khối lượng từ 1-2 tín chỉ (**ương đương 30-60 giờ chuẩn**). Việc đánh giá và chấm điểm tiểu luận tổng quan được thực hiện giống như quy trình đánh giá và chấm chuyên đề quy định tại mục c khoản 8 Điều 19 của Quy chế này.

3. Nội dung và quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà Viện, người hướng dẫn phải hướng cho nghiên cứu sinh tìm các nguồn lực và điều kiện để tiến hành các nghiên cứu cần thiết. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh tự chi trả.

### **Điều 17. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ**

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ (**ương ứng với 240-360 giờ chuẩn**).

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành;

b) Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết và trình bày bài báo khoa học, báo cáo khoa học;

c) Các học phần sẽ được quy định cụ thể cho từng chuyên ngành đào tạo.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ (**tương ứng 180 giờ chuẩn**).

4. Hội đồng Khoa học Viện có nhiệm vụ thông qua chương trình đào tạo do bộ môn xây dựng, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của Viện, trình Viện trưởng phê duyệt.

5. Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

### **Điều 18. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn kinh tế - xã hội.

### **Điều 19. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ**

1. Sau khi công nhận trúng tuyển, Viện tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết cho từng nghiên cứu sinh. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết được thực hiện bằng cách nghiên cứu sinh trình bày trước Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết tại Trung tâm đào tạo. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết gồm 05 hoặc 07 thành viên, là những người có học vị từ tiến sĩ trở lên và có kinh nghiệm chuyên môn tốt, trong đó có ít nhất 02 thành viên là cán bộ hướng dẫn của nghiên cứu sinh. Viện trưởng

ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết. Trong thời gian tối đa là 6 tháng kể từ khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải hoàn thành việc bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết.

2. Thành viên Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nhận xét đánh giá về mặt học thuật của tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá.

3. Đối với các nghiên cứu y sinh học với đối tượng nghiên cứu là con người phải tuân thủ theo các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và phải được xem xét, thẩm định, thông qua Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết, trong đó có ít nhất 02 thành viên của Hội đồng Y đức theo đúng các hướng dẫn và quy định hiện hành.

- Đối với các đề tài nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng bao gồm nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuộc giai đoạn 1, 2, 3, 4, nghiên cứu thử nghiệm trang thiết bị mới, nghiên cứu thử nghiệm quy trình kỹ thuật mới... phải tuân thủ theo các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thực hành lâm sàng tốt (GCP) và phải được xem xét, thẩm định, thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Bộ Y tế theo đúng quy định hiện hành.

5. Căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh và Hội đồng Khoa học sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh trình Viện trưởng phê duyệt. Đơn vị phụ trách công tác đào tạo nghiên cứu sinh của Viện xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của Hội đồng Khoa học và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

6. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Viện hoặc cơ sở đào tạo khác được Viện gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do Viện tổ chức thực hiện.

7. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Viện phải tổ chức để nghiên cứu sinh hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

8. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Các học phần được đánh giá theo thang điểm 10; Điểm của chuyên đề là trung bình cộng các phiếu hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt và được lấy đến hai chữ số sau dấu phẩy (không cần làm tròn). Chuyên đề có điểm dưới 5,0: không đạt; từ 5,0 đến 5,99: đạt loại trung bình; từ 6,0 đến 6,99: loại trung bình khá; từ 7,0 đến 7,99: loại giỏi; từ 8,0 đến 8,99: loại giỏi; từ 9,0 trở lên: xuất sắc.
- c) Các chuyên đề tiến sĩ nghiên cứu sinh thực hiện dưới sự giúp đỡ của người được phân công hướng dẫn. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm chuyên đề. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề do Hội đồng chấm chuyên đề thực hiện sau khi nghe nghiên cứu sinh trình bày. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng chuyên ngành. Hình thức đánh giá đối với từng chuyên đề theo thang điểm 10.

9. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

#### **Điều 20. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án**

1. Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây;

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch.
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh.
- d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 500 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương. Trình độ ngoại ngữ tương đương được xác định theo chuẩn B2 hoặc 4/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ (Common European Framework – CEF, Phụ lục III), trong thời hạn 1 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở.



2. Chứng chỉ ngoại ngữ của những trung tâm khảo thí ngoại ngữ trong nước có uy tín, có kết quả đánh giá năng lực người học tương đương với kết quả đánh giá của các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế có thẩm quyền theo các loại bài kiểm tra cấp chứng chỉ nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận, có giá trị sử dụng trong đào tạo nghiên cứu sinh.

3. Các trung tâm khảo thí hoặc đào tạo ngoại ngữ nếu tự đánh giá đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này có thể gửi văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị được đánh giá và công nhận. Việc đánh giá và công nhận chứng chỉ ngoại ngữ dùng trong đào tạo nghiên cứu sinh được thực hiện theo chu kỳ 3 năm.

### **Điều 21. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo (tính từ ngày có quyết định trúng tuyển). Nghiên cứu sinh phải có đơn trình bày lý do thay đổi đề tài, có ý kiến đề nghị của cán bộ hướng dẫn và kèm theo đề cương nghiên cứu mới (có chữ ký xác nhận của cán bộ hướng dẫn). Trung tâm đào tạo đề xuất Hội đồng thông qua đề cương nghiên cứu mới để trình Viện trưởng phê duyệt ra Quyết định. Trung tâm đào tạo tổ chức thông qua đề cương mới cho nghiên cứu sinh và trình Viện trưởng ra Quyết định thay đổi đề tài cho Nghiên cứu sinh.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

3. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được cơ sở đang đào tạo đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là nghiên cứu sinh của cơ sở chuyển đến. Viện trưởng quyết định các học phần hoặc các chuyên đề tiến sĩ mà nghiên cứu sinh chuyển đến cần bổ sung (nếu có).

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Những kinh phí phát sinh sau thời hạn quy định do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện

các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Viện, bao gồm: học phí, kinh phí hỗ trợ đào tạo, kinh phí bảo vệ luận án các cấp, kinh phí cho phản biện độc lập và các kinh phí khác có liên quan. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Đối với nghiên cứu sinh hệ không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại Viện để hoàn thành luận án trong thời gian cho phép.

5. Khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện ở kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở chỉ được xem xét sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của toàn bộ thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

6. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn), Viện trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại Viện.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Viện trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án cùng các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học và được người hướng dẫn, Viện trưởng đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

8. Trong thời hạn học tập, mỗi nghiên cứu sinh sẽ thanh toán học phí theo quy định của Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 22. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **Điều 23. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 của Quy chế này và các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong thông báo của Viện về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;
- đ) Có trình độ ngoại ngữ tốt phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh.
- g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh mới.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người cùng hướng dẫn. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh nếu được Viện Pasteur TP.HCM chấp thuận.

3. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 7 Điều 21 của Quy chế này.

4. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

5. Viện khuyến khích mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

### **Điều 24. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Trách nhiệm chung của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

- a) Giúp nghiên cứu sinh xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết và hỗ trợ tìm nguồn kinh phí để thực hiện đề tài;
- b) Thảo luận kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Đề xuất các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; đề xuất với đơn vị chuyên môn để trình Viện trưởng quyết định;
- d) Lên kế hoạch tuần, tháng, quý, năm làm việc với nghiên cứu sinh;
- đ) Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu;
- e) Giúp đỡ nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của bộ môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học;
- g) Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi Viện;
- h) Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định;
- i) gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của Viện. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học;
- k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người hướng dẫn thứ nhất: chịu trách nhiệm chủ trì và chỉ cán bộ hướng dẫn hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Người hướng dẫn thứ hai: có trách nhiệm tham gia hoạt động chung cùng với người hướng dẫn thứ nhất hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

### **Điều 25. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh**

1. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm báo cáo đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, kế hoạch nghiên cứu để thực hiện đề tài luận án khi sinh hoạt tại bộ môn. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của Trung tâm đào tạo, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với Trung tâm đào tạo.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của Viện; viết báo cáo khoa học; viết ít nhất hai bài báo khoa học viết từ kết quả nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí do đơn vị chuyên môn quy định; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Viện Pasteur TP.HCM, định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn theo lịch do đơn vị chuyên môn quy định, ít nhất 4 lần một năm.
3. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Viện theo sự phân công của Trung tâm đào tạo.
4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho đơn vị chuyên môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.
5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.
6. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh.
7. Quyền hạn của nghiên cứu sinh
  - Được Viện tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin về việc học tập của mình.
  - Được tham gia các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Viện.
  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Viện để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học.
  - Được dành thời gian cho việc học tập và nghiên cứu theo chương trình đào tạo quy định tại Điều 15.

- Được tham dự các khóa đào tạo hỗ trợ nghiên cứu, thực tập ở nước ngoài sau khi có sự đồng ý của người hướng dẫn và Viện.
- Được đề đạt để xin thay đổi hoặc điều chỉnh đề tài, người hướng dẫn, cơ sở đào tạo, thời gian đào tạo trong thời hạn cho phép.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Trách nhiệm của Viện**

1. Xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo và hỗ trợ nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.
4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương III của Quy chế này.
5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.
6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện pháp lý để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở trong và ngoài nước.
7. Tạo điều kiện hỗ trợ thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học kỹ thuật của Viện.

8. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

9. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thường niên. Xuất bản thường kỳ chuyên san của Viện trong tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập.

11. Xây dựng trang web và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện của nghiên cứu sinh; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

12. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển;

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của Viện, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong hai tháng vừa qua;

d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện trong thời gian từ sau lần báo cáo trước;

- Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng;

- Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định;

- Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng.

đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được

lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại Viện. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

13. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Viện;

14. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 27. Trách nhiệm của bộ môn**

1. Hỗ trợ Tiểu ban chuyên môn trong việc tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh.

2. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học Viện trước khi trình Viện trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở bổ sung và học phần tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

3. Có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo và giáo khoa, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiến sĩ chuyên ngành do bộ môn phụ trách.

4. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất một tháng một lần, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực hành. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

5. Trưởng bộ môn kiểm tra trực tiếp việc thực hiện kế hoạch giảng dạy.

6. Phối hợp với Trung tâm đào tạo tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp viện.

7. Xây dựng lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn. Đảm bảo ít nhất 4 lần một năm nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập trước bộ môn.

8. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Viện trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.



9. Đề xuất với Viện trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

10. Đề nghị Viện trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

11. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Viện trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời thông qua Viện trưởng, Trung tâm đào tạo gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh (nếu cần).

### **Điều 28. Trách nhiệm của Trung tâm đào tạo**

1. Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn, bản đăng ký và các thủ tục khác có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm cho từng chuyên ngành đào tạo.

4. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo kế hoạch.

5. Theo dõi kết quả kiểm tra, thi các môn học, các học phần của nghiên cứu sinh từng chuyên ngành đào tạo.

6. Làm thủ tục cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các cấp.

7. Tổ chức bảo vệ luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

8. Làm thủ tục và quản lý việc cấp chứng chỉ môn học, bằng điểm toàn khóa, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

9. Tổ chức các ngày lễ và hoạt động hàng năm cho nghiên cứu sinh: kỷ niệm ngày hiến chương nhà giáo, lễ khai giảng, lễ phát bằng và hội nghị khoa học cho nghiên cứu sinh.

10. Quản lý và lưu giữ hồ sơ đào tạo nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ của Viện.

11. Thực hiện những nội dung công tác khác có liên quan tới đào tạo sau đại học theo yêu cầu của Viện trưởng.

12. Đưa các thông tin liên quan của nghiên cứu sinh lên trang web (<http://training.pasteurhcm.gov.vn/>) của Viện.

## **Chương V**

### **LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

## **Điều 29. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều 18 của Quy chế này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và bàn luận của nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

- a) Phần đặt vấn đề: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, xác định mục tiêu của đề tài;
- b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: tổng hợp các tư liệu khoa học, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết;
- c) Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong luận án;
- d) Kết quả nghiên cứu: trình bày kết quả đạt được theo các mục tiêu của luận án, mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm;
- đ) Bàn luận căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;
- e) Kết luận: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu;
- g) Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- h) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;
- i) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- k) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được

quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Viện các văn bản của các thành viên chính trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng theo quy định. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo quy định. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học. Có ít nhất hai bài báo liên quan đến luận án được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, đồng thời thuộc danh mục các tạp chí khoa học mà Viện quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Về hình thức, luận án phải được trình bày theo đúng quy định của Viện.

### **Điều 30. Đánh giá và bảo vệ luận án**

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

- a) Cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn);
- b) Cấp Viện.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

- a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập quy định tại các Điều 15, 16 17, 18 của Quy chế này trong thời gian quy định;
- b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 18 và Điều 29 của Quy chế này.
- c) Nghiên cứu sinh phải có đơn đề nghị xin được bảo vệ luận án;

d) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

g) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM quyết định về các điều kiện, yêu cầu cụ thể đối với luận án của từng chuyên ngành đào tạo khi đưa ra bảo vệ ở cấp viện.

### **Điều 31. Đánh giá luận án cấp cơ sở**

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 30 của Quy chế này, Trưởng đơn vị chuyên môn đề nghị Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng; b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng; c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án; d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên; đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn, được tổ chức để các thành viên bộ môn và những người quan tâm có thể tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện khi được từ ba phần

tư số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành và đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng cấp cơ sở, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách gồm ít nhất 30 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh do Bộ môn đề xuất và trình Viện trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Viện không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án. Nếu luận án có tính chất liên ngành thì tóm tắt luận án cũng phải được gửi tới các cơ quan và các nhà khoa học thuộc liên ngành đó. Danh sách này cần ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức danh, chuyên ngành, nơi làm việc của từng nhà khoa học. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

6. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

- a) Đại diện Trung tâm đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Viện trưởng.
- b) Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 31 của Quy chế này.
- c) Ủy viên thư ký đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.
- d) Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt luận án không quá 30 phút.
- đ) Hai người phản biện luận án đọc nhận xét.
- e) Các thành viên hội đồng và chủ tịch hội đồng đặt câu hỏi và trao đổi với nghiên cứu sinh
- g) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi.
- h) Nhận xét của người hướng dẫn (hay đại diện tập thể người hướng dẫn) về quá trình học tập của NCS và kết quả của luận án.
- i) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu

và bỏ phiếu kín.

j) Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận và bỏ phiếu.

k) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

l) Chủ tịch hội đồng công bố kết quả của Hội đồng và thông qua nghị quyết của Hội đồng.

m) Chủ tịch công bố kết thúc buổi bảo vệ.

7. Biên bản cuộc họp đánh giá luận án cấp cơ sở cần ghi rõ:

a) Thành viên hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng);

b) Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc);

c) Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, những câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

d) Kết luận của Hội đồng.

### **Điều 32. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện**

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, lãnh đạo Trung tâm đào tạo lập hồ sơ gửi Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng trong thời gian tối đa 3 tháng kể từ ngày được Hội đồng cấp bộ môn thông qua;

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án;

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);

e) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh;

g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

- h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;
- i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
- k) Luận án và tóm tắt luận án;
- l) Ba quyển tóm tắt luận án đóng bìa mềm, trong đó hai bản không có thông tin về tên nghiên cứu sinh, người hướng dẫn. Ba bộ sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trong đó hai bộ đã xóa tên các tác giả trên các bài báo, công trình đó;
- m) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh.
- o) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

### **Điều 33. Phản biện độc lập**

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện, Viện trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án.
2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ (nếu là tiến sĩ phải có thời gian được công nhận học vị tiến sĩ từ 03 năm trở lên), có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Phản biện độc lập không được là người thuộc Viện hay cùng đơn vị công tác với nghiên cứu sinh. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.
3. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, bài báo, công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết

quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý hay không đồng ý để luận án được bảo vệ cấp viện. Thời gian phản biện không quá 3 tháng kể từ khi nhận được hồ sơ.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện. Bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

5. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Phòng Đào tạo sau đại học sao gửi cho nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu, sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, có văn bản giải trình, trong đó có ý kiến xác nhận và chữ ký của người hướng dẫn nộp lại cho Phòng Đào tạo sau đại học. Trong thời gian không quá một tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh và gửi một bản luận án đóng bìa cứng, một bản tóm tắt luận án và bản giải trình của nghiên cứu sinh về Trung tâm đào tạo để làm thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

Trong trường hợp phản biện độc lập yêu cầu được xem lại việc tiếp thu, sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh, các thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ được tiến hành sau khi có sự đồng ý cho phép bảo vệ luận án cấp Viện của phản biện độc lập đó. Hồ sơ gửi lại cho phản biện độc lập như lần đầu.

6. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Thủ tục gửi và xin ý kiến của phản biện thứ ba cũng thực hiện như đối với hai phản biện trước. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

7. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa



chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

8. Quy trình xin ý kiến của phản biện độc lập:

a) Người phụ trách Trung tâm đào tạo trình Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo có đầy đủ thông tin cùng danh sách 15 nhà khoa học (có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ) có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Căn cứ vào nội dung luận án và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Viện trưởng quyết định danh sách hai phản biện độc lập để xin ý kiến.

c) Người phụ trách Trung tâm đào tạo có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn tới hai phản biện độc lập theo danh sách Viện trưởng đã duyệt. Hồ sơ bao gồm: một quyển luận án, một quyển tóm tắt luận án, một bộ bài báo.

d) Thời gian xin ý kiến phản biện độc lập không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hồ sơ đi.

đ) Sau khi nhận phản hồi của phản biện độc lập, Hội đồng tuyển sinh tổng hợp, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện theo các mục 5, 6 của Điều này.

#### **Điều 34. Đánh giá luận án cấp Viện**

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tròn ba năm tính đến ngày thành lập hội đồng. Số thành viên thuộc Viện không quá 03 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án.

Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các

công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

### **Điều 35. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện**

1. Viện trưởng có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Các điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án, đảm bảo nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang (<http://training.pasteurhcm.gov.vn/>) của Viện Pasteur TP.HCM, trang (<http://www.moet.gov.vn/>) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Viện và của đơn vị chuyên môn, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM quyết định và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện Viện Pasteur TP.HCM ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang (<http://training.pasteurhcm.gov.vn/>) của Viện Pasteur TP.HCM trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Trung tâm đào tạo của Viện 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;

đ) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

3. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp Viện, nghiên cứu sinh đóng quyển luận án, in tóm tắt luận án có ghi đầy đủ họ tên, học vị, nơi công tác của những

người phản biện vào bì 2 tóm tắt luận án và nộp cho Viện. Trung tâm đào tạo của Viện có trách nhiệm gửi luận án và tóm tắt luận án cùng các tài liệu cần thiết khác cho các thành viên hội đồng; gửi tóm tắt luận án theo danh sách đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đề nghị để lấy ý kiến nhận xét.

4. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.
- g) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

5. Hồ sơ chuẩn bị cho buổi bảo vệ

Để tiến hành bảo vệ luận án cấp viện, Thư ký hội đồng phối hợp với Trung tâm đào tạo cần chuẩn bị đầy đủ các văn bản sau:

- a) Các loại hồ sơ của nghiên cứu sinh gồm: Bản nhận xét quá trình thực hiện đề tài của người hướng dẫn; Lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh có xác nhận của nơi cử đi học; Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có); Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh; Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có); Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
- b) Bản tổng hợp các nhận xét tóm tắt của các cơ quan và các nhà khoa học gửi đến Hội đồng.
- c) Mẫu biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá đã điền đầy đủ các chỗ trống.
- d) Dự thảo quyết nghị của Hội đồng phải nêu được các vấn đề theo trình tự sau: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính hợp lý, hiện đại và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã sử dụng; các kết quả mới của luận án, giá trị sự đóng góp của

các kết quả này trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành về mặt lý thuyết và ứng dụng; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án, kết luận của Hội đồng.

6. Viện trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định).

Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

7. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 21 và khoản 2 Điều 29 của Quy chế này. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu.

8. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

### **Điều 36. Tổ chức bảo vệ luận án**

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 38 của Quy chế này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phân hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

- a) Luận án có giá trị cao về khoa học, có đóng góp đáng kể trong việc bổ sung, phát triển và làm phong phú thêm kiến thức lý thuyết của khoa học chuyên ngành, được thể hiện qua các bài báo đã công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước.
- b) Luận án có giá trị cao về thực tiễn, kết quả của luận án đã được ứng dụng trên diện rộng và được đánh giá cao.

3. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng đề nghị công nhận hoặc không công nhận học vị tiến sĩ theo ngành nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Chất lượng luận án được đánh giá xuất sắc khi tất cả thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành, trong đó có ít nhất 6 thành viên hội đồng đánh giá đạt mức xuất sắc.

Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Viện:

Buổi bảo vệ luận án cấp Viện được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và đề nghị Chủ tịch hội đồng điều khiển phiên họp.
- b) Chủ tịch hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ (theo khoản 2 Điều 40) và công bố chương trình làm việc.

- c) Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học và tóm tắt quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.
- d) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.
- đ) Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút.
- e) Các phản biện đọc nhận xét.
- g) Các thành viên Hội đồng khác đọc nhận xét.
- h) Thư ký hội đồng đọc bản tổng hợp các nhận xét về bản Tóm tắt luận án của các nhà khoa học.
- i) Hội đồng và các nhà khoa học tham dự thảo luận, nêu câu hỏi với nghiên cứu sinh.
- k) Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi và bảo vệ các nội dung đang thảo luận.
- l) Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến bằng văn bản quy định tại mục d, khoản 2, Điều 35.
- m) Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.
- n) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.
- o) Chủ tịch Hội đồng đọc Nghị quyết của Hội đồng.
- p) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến.
- q) Đại diện cơ quan công tác của nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến (nếu có yêu cầu).
- r) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

### **Điều 37. Bảo vệ lại luận án**

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.
2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM bổ sung thành viên khác thay thế.
3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.
4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.
5. Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM quy định chi tiết thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án.

### **Điều 38. Bảo vệ luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ, Ngành thì Thủ trưởng Bộ, Ngành có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai để sau này có cơ sở xem xét cho luận án bảo vệ theo chế độ mật; quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Viện Pasteur TP.HCM phải báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ mật.
2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp viện, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM ra quyết định bằng văn bản.
3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Viện Pasteur TP.HCM không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.
4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.
5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

## **Chương VI**

### **THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 39. Thẩm định luận án**

1. Tuân cuối các tháng chẵn trong năm, Viện gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của Viện trong 2 tháng trước đó (nếu có bảo vệ luận án). Báo cáo gồm:
  - a) Bản sao quyết định của Viện về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp Viện;

- b) Bản sao biên bản và nghị quyết của từng Hội đồng đánh giá luận án;
- c) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của các luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- d) Bản sao của các phản biện độc lập;
- e) Tóm tắt luận án.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của cơ sở đào tạo để thẩm định;
- b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của cơ sở đào tạo. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho Viện các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định cho mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

- a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh;
- b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh;
- c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh;
- d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh và các bản nhận xét của phản biện độc lập;
- e) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh;
- f) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

- a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và tên Trường;
- b) Tóm tắt đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và tên Trường;
- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;
- d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.



6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp theo đúng quy định.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy nhiệm Trường có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 40. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh khoa học và học vị tiến sĩ, có công trình công bố trong 3 năm gần đây về lĩnh vực của đề tài luận án, am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với các chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tài liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch hội đồng, Thư ký hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Viện trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp Viện với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Viện trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất  $\frac{3}{4}$  thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

#### **Điều 41. Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Quy chế này.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định của Viện.

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

3. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án để xem xét. Tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM sẽ ra quyết định xử lý đối với luận án của nghiên cứu sinh theo một trong các hình thức: yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh

sửa chữa và bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa và bảo vệ lại.

4. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Quy chế này.

#### **Điều 42. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ**

1. Viện lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;
- b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 của Quy chế này (nếu có);
- c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 của Quy chế này;
- d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:

- a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện tại phiên họp cuối cùng, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng;
- b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp viện tại phiên họp cuối cùng, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:
  - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và danh sách thành viên Hội đồng.
  - Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng. - Biên bản và quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo quyết nghị của Hội đồng cấp viện, có chữ ký của nghiên cứu sinh, tập thể hướng dẫn và xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp viện, cơ sở đào tạo.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

- a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;
- b) Quyết nghị của Hội đồng;
- c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;
- d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;
- đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;
- g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);
- i) Bản in trang thông tin Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- k) Các tài liệu liên quan khác (nếu có). Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài tại Viện.

### **Điều 43. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 39 của Quy chế này.

2. Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện Pasteur TP.HCM để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

## **Chương VII**

### **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 44. Khiếu nại, tố cáo**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định.

#### **Điều 45. Thanh tra, kiểm tra**

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur TP.HCM theo các quy định hiện hành. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ của Viện trưởng Viện Pasteur TP.HCM việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện Pasteur TP.HCM. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Viện Pasteur TP.HCM.

#### **Điều 46. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 25 của Quy chế này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Viện Pasteur TP.HCM xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

4. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại điều 23, 24 của quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

**Chương VIII**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 47. Tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này gồm 8 chương, 47 điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở trước ngày ký chỉnh sửa quy chế thực hiện theo chương trình đào tạo quy định tại Điều 14 Quy chế đào tạo sau đại học ban hành theo Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ tháng 01/2015, trước khi bảo vệ luận án ở cấp cơ sở, nghiên cứu sinh phải đáp ứng điều kiện yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và chương trình đào tạo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 20 của Quy chế này.

*Lưu:*

- Văn thư;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Trung tâm đào tạo.

**VIỆN TRƯỞNG**

**Phan Trọng Lân**